

**Bản án số: 211 /2020/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 14-9-2020**

**“V/v Ly hôn giữa bà K và ông T”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Bà K, ông T xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:* Bà và ông T tiến đến hôn nhân năm 1986 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2016. Ông bà sống hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu bia về nhà ông có lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm bà nên phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Trần P, sinh ngày 28/8/1987; Nguyễn Trần T1, sinh ngày 30/3/1990; Nguyễn Trần N, sinh ngày 29/10/1995 và Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 28/3/2003. Các con P, T1, N đã thành niên, còn cháu Đ đang sống cùng bà.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà K xin được ly hôn với ông T. Con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Trần Đ bà yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*- Bị đơn ông Nguyễn Văn T dù đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng:* Tuy nhiên tại đơn xin vắng mặt ngày 21/7/2020 ông T có ý kiến đồng ý yêu cầu ly hôn của bà K, đồng ý giao con chung cho bà K nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/7/2020 ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do ông chạy xe kiếm sống không thể đến Tòa được. Đối với bà Trần Thị K ngày 27/8/2020 cũng có đơn xin vắng mặt với lý do bà đi làm thuê. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà K và ông T tiến đến hôn nhân năm 1986 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Dù ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian dài và có với nhau 04 người con nhưng đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Đối với ông T dù không tham gia tố tụng tại Tòa nhưng ông cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà K. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà K được ly hôn với ông T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Trần P, sinh ngày 28/8/1987; Nguyễn Trần T, sinh ngày 30/3/1990; Nguyễn Trần N, sinh ngày 29/10/1995 và Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 28/3/2003. Các con P, T1, N đã thành niên, còn cháu Đ đang sống cùng bà K. Bà K yêu cầu nuôi cháu Đ, phía ông T cũng đồng ý. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với bà K nếu ông bà ly hôn. Xét thấy, con chung được bà K nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần Đ cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà K không yêu cầu và đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị K.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị K ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Đ, sinh ngày 28/3/2003 cho bà Trần Thị K nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật

3. Về án phí: Bà Trần Thị K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003809 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**

